

**KẾ HOẠCH****Tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 21/3/2013 của  
Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**  
-----

Ngày 21/3/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 18-CT/TU về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây gọi tắt là Chỉ thị số 18-CT/TU) để triển khai thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tiền, tài sản nhà nước, đất đai, tài nguyên thiên nhiên,... tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU như sau:

**I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Kiểm điểm, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện việc quán triệt, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua theo Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư, Chỉ thị số 18-CT/TU và các văn bản chỉ đạo khác của Trung ương, Tỉnh ủy. Tập trung phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, làm rõ tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện, đồng thời kiến nghị, đề xuất những giải pháp có tính đột phá để nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian tới.

2. Việc tổng kết được tiến hành từ cơ sở, bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, không hình thức.

**II- NỘI DUNG TỔNG KẾT**

1. Đánh giá tình hình quán triệt tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Chỉ thị số 18-CT/TU.

2. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và triển khai thực hiện các Chương trình, Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; đánh giá công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện sai phạm trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và hoạt động phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với từng lĩnh vực:

3.1. Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

3.2. Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước.

3.3. Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước.

3.4. Trong công tác quản lý, thẩm định, đấu thầu dự án và sử dụng vốn đầu tư công.

3.5. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

3.6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước.

3.7. Trong sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

3.8. Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân.

4. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; rút ra bài học kinh nghiệm từ thực tiễn triển khai thực hiện Chỉ thị; các nhiệm vụ, giải pháp và kiến nghị, đề xuất nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

\* Mốc thời gian đánh giá tổng kết: Từ ngày Chỉ thị số 18-CT/TU ban hành (21/3/2013) đến hết ngày 30/6/2021.

### III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể tỉnh, các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo khẩn trương, nghiêm túc tổ chức tổng kết Chỉ thị số 18-CT/TU từ cơ sở bằng hình thức phù hợp và tổ chức tổng kết, đi sâu đánh giá kết quả thực hiện các nội dung thuộc phạm vi, quyền hạn, thẩm quyền được giao cũng như thực tiễn quản lý của cơ quan, đơn vị (*Riêng Ban Thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy tổng kết toàn diện kết quả thực hiện Chỉ thị ở địa phương*), xây dựng báo cáo tổng kết của cấp mình gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Nội chính Tỉnh ủy*) **trước ngày 25/8/2021**.

2. Ban Nội chính Tỉnh ủy tổ chức làm việc, khảo sát thực tế tại một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị phục vụ việc tổng kết từ ngày 26/8/2021 đến ngày 10/9/2021; tổng hợp, dự thảo báo cáo tổng kết, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy **trước ngày 25/9/2021**.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh thực hiện các chuyên đề, phóng sự, tin tức tuyên truyền về kết quả hơn 07 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU.

Căn cứ Kế hoạch này, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn HĐND tỉnh, BCS đảng UBND tỉnh,
- Các Ban xây dựng đảng của Tỉnh ủy,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh,
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**Ngô Hoàng Ngân**

## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU, ngày 21/3/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Kèm theo Kế hoạch số 84 - KH/TU, ngày 06/8/2021 của Tỉnh ủy)**

-----

### **I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Khái quát một số vấn đề cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội địa phương; tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có ảnh hưởng đến việc triển khai các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

### **II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO**

#### **1. Việc tổ chức quán triệt, phổ biến và tuyên truyền Chỉ thị số 18-CT/TU**

- Việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tại cơ quan, đơn vị, địa phương (*Thống kê tổng số lượng văn bản; nêu nội dung một số văn bản điển hình; danh mục các văn bản chỉ tiết theo Phụ lục số 01 gửi kèm theo*).

- Kết quả tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống phát thanh, truyền hình, các cuộc họp, sinh hoạt tại cơ sở.

- Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp**

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (*Thống kê tổng số lượng văn bản; nêu một số văn bản điển hình; danh mục các văn bản chỉ tiết theo Phụ lục số 02 gửi kèm theo*).

- Việc phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo cấp ủy, cơ quan, đơn vị để chỉ đạo việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Việc kiểm tra, giám sát của cấp ủy; giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp; giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (*Thống kê số cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra; đối tượng được kiểm tra, giám sát; số kiến nghị, kết luận; kết quả phát hiện và xử lý vi phạm theo Phụ lục số 03 gửi kèm theo*).

- Việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và công khai theo quy định.

### **III- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC**

#### **1. Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**

Số định mức, tiêu chuẩn, chế độ được ban hành, sửa đổi, bổ sung; việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công theo quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí; việc thực hiện quy định, quy trình công khai các dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước.

#### **2. Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước**

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chỉ đạo, điều hành việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; việc tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên, cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu tiết kiệm trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, khảo sát trong và ngoài nước; sử dụng điện, nước; sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm; việc đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện cơ chế giao khoán kinh phí; đánh giá hiệu quả thực hiện bằng số liệu cụ thể.

#### **3. Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại, phương tiện làm việc, phương tiện thông tin liên lạc theo đúng quy định; đánh giá hiệu quả thực hiện bằng số liệu cụ thể.

#### **4. Trong công tác quản lý, thẩm định, đấu thầu dự án và sử dụng vốn đầu tư công**

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cắt giảm, đình hoãn các dự án hoặc hạng mục không thực sự cần thiết đầu tư, không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp; tiết kiệm trong việc tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, khánh thành các công trình xây dựng; số kinh phí tiết kiệm được do thực hiện đấu thầu theo quy định; số kinh phí tiết kiệm qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thẩm tra quyết toán; số kinh phí tiết kiệm được trong quá trình thực hiện dự án.

## **5. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên**

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài nguyên đất, nước; khai thác và sử dụng khoáng sản, điện năng (riêng đối với chỉ tiêu tiết kiệm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên đất thì cần cụ thể hóa bằng số diện tích đất đai, mặt nước bị thu hồi do sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sai quy hoạch, lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và đất lấn chiếm trái quy định); đánh giá hiệu quả thực hiện bằng các số liệu cụ thể.

## **6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng công chức, viên chức; việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; việc sắp xếp bộ máy; cải cách thủ tục hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, giảm số giờ thực hiện thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp; ứng dụng khoa học công nghệ vào công việc.

## **7. Trong sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chi phí quản lý, tiết kiệm các yếu tố chi phí khác (nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng), hạ giá thành sản phẩm.

## **8. Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân**

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

## **9. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Số cuộc kiểm tra, thanh tra do thanh tra tỉnh, thanh tra cấp huyện, thanh tra các sở, ngành thực hiện; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

*(Số liệu cụ thể theo Phụ lục số 04 gửi kèm theo).*

## **IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm và nguyên nhân kết quả đạt được**

### **2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân**

- Đánh giá đầy đủ các tồn tại, hạn chế trên từng lĩnh vực (quản triệt, triển khai, lãnh đạo, tổ chức thực hiện, phối hợp...).

- Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế (về khách quan và chủ quan).

### **3. Bài học kinh nghiệm**

Rút ra những bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai Chỉ thị số 18-CT/TU, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới.

### **V- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO**

#### **VI- ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Kiến nghị với các cơ quan Trung ương.

- Kiến nghị với tỉnh: Bên cạnh những nội dung đề xuất với tỉnh, đề nghị nêu rõ đề xuất với Tỉnh uỷ ban hành Thông báo kết luận tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TU hay ban hành Chỉ thị mới thay thế Chỉ thị số 18-CT/TU.

---

**Phụ lục số 01:**

**Việc ban hành văn bản để phổ biến, quán triệt về  
thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từ ngày 21/3/2013 đến hết ngày 30/6/2021**

<b>TT</b>	<b>Số văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Cơ quan, tổ chức ban hành</b>	<b>Trích yếu văn bản</b>	<b>Hình thức phổ biến, quán triệt, triển khai</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>VĂN BẢN NĂM 2013</b>						
1						
2						
...						
<b>VĂN BẢN NĂM 2014</b>						
1						
2						
...						
.....						
<b>VĂN BẢN NĂM 2021</b>						
1						
2						
...						



**Phụ lục số 02:**

**Việc ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí  
từ ngày 21/3/2013 đến hết ngày 30/6/2021**

TT	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan, tổ chức ban hành	Trích yếu văn bản	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÁC VĂN BẢN CỦA CẤP ỦY</b>				
<b>VĂN BẢN NĂM 2013</b>					
1					
2					
...					
.....					
<b>VĂN BẢN NĂM 2021</b>					
1					
2					
...					
<b>II</b>	<b>CÁC VĂN BẢN CỦA NHÀ NƯỚC</b>				
<b>VĂN BẢN NĂM 2013</b>					
1					
2					
...					
.....					
<b>VĂN BẢN NĂM 2021</b>					
1					
2					
...					

**Phụ lục số 03:**

**Kết quả thực hiện những kiến nghị, khắc phục những hạn chế được đoàn kiểm tra chỉ ra tại các cuộc kiểm tra, giám sát từ ngày 21/3/2013 đến hết ngày 30/6/2021**

<b>TT</b>	<b>Việc thực hiện các kiến nghị</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Đánh giá việc khắc phục hạn chế, thực hiện kiến nghị</b>
<b>I. Thực hiện kiến nghị của đoàn kiểm tra, giám sát</b>			
1			
2			
...			
<b>II. Đối với kết luận thanh tra</b>			
1			
2			
...			

**PHU LỤC SỐ 04**

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ THEO CHỈ THỊ SỐ 18-CT/TU, NGÀY 21/3/2013 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Kỳ báo cáo: Từ ngày 21/3/2013 đến hết ngày 30/6/2021

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đến 30/6/2021	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	6	7	7	8	8	9	10	11
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>												
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản											
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản											
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc											
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ											
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng											
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>	<b>triệu đồng</b>											
<b>1</b>	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>	<b>triệu đồng</b>											
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng											
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng											
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng											
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng											
<b>2</b>	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>	<b>triệu đồng</b>											
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng											

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đến 30/6/2021	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	6	7	7	8	8	9	10	11
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng											
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng											
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng											
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng											
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng											
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng											
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng											
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng											
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng											
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng											
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng											
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng											
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng											
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng											
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng											
	Các nội dung khác	triệu đồng											
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng											
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng											

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đến 30/6/2021	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	6	7	7	8	8	9	10	11
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng											
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng											
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng											
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>	<b>triệu đồng</b>											
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị											
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị											
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng											
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>	<b>triệu đồng</b>											
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>	<b>triệu đồng</b>											
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại ( ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>												
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc											
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc											
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc											
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc											
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc											
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng											
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>												
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản											

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đến 30/6/2021	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	6	7	7	8	8	9	10	11
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản											
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng											
3	Các nội dung khác	triệu đồng											
IV	<b>Trong công tác quản lý, thẩm định, đấu thầu dự án và sử dụng vốn đầu tư công:</b>	triệu đồng											
1	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>	triệu đồng											
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án											
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng											Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng											
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng											
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng											
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng											
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng											
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án											
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ												
	<i>Số lượng</i>	dự án											
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng											
2	Các nội dung khác												
V	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>												

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đến 30/6/2021	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	6	7	7	8	8	9	10	11
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>												
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2											
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2											
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng											
1.4	Các nội dung khác												
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>												
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ											
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng											
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>												
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án											
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng											
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng											
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>	triệu đồng											
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>												
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ											
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng											
3	Các nội dung khác	triệu đồng											
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>												

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đến 30/6/2021	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	6	7	7	8	8	9	10	11
<b>1</b>	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>	<b>triệu đồng</b>											
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng											
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng											
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h											
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	lít											
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng											
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng											
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng											
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng											
<b>2</b>	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>	<b>triệu đồng</b>											
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án											
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án											
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng											
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng											
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng											
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng											
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng											
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn												
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án											



STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đến 30/6/2021	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	6	7	7	8	8	9	10	11
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>											
2.5	Các nội dung khác	<i>triệu đồng</i>											
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>												
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>											
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>											
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>											
<b>4</b>	<b>Mua sắm tài sản, phương tiện</b>												
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con												
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>											
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>											
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>											
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>											
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>											
	<i>Số lượng xe cuối kỳ</i>	<i>chiếc</i>											
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	<i>chiếc</i>											
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>chiếc</i>											
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>triệu đồng</i>											
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>												
	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>											

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Đến 30/6/2021	Tổng cộng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	6	7	7	8	8	9	10	11
6	Số cuối kỳ <b>Vốn chủ sở hữu</b> Số đầu kỳ Số cuối kỳ	triệu đồng  triệu đồng triệu đồng											
<b>VIII</b>	<b>Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>												
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THPT, CLP	Lượt hộ											
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ											
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP</b>												
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc											
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT,CLP đã hoàn thành	cuộc											
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn											
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT,CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn											
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng											
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng											